TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈ NH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồ Quốc Tuấn

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2020/QĐST- HN ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng E, sinh năm 1984 *(có mặt);*

* Bị đơn: Anh Huỳnh Minh P, sinh năm 1976 *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp 9 A, xã T H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng E trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị Hằng E và anh P chung sống vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách dẫn đến hay cãi nhau, mỗi khi cãi nhau thì anh P bỏ về nhà cha mẹ ruột, mâu thuẫn giữa chị và anh P xảy ra ngày càng nhiều hơn nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Huỳnh Thị Như P1, sinh ngày 22/2/2003; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 15/10/2010, hiện nay sống chung với chị Hằng E

- Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu.

Nay chị Hằng E yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu.

** Bị đơn anh Huỳnh Minh P vắng mặt không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng E giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

- Bị đơn anh Huỳnh Minh P vắng mặt không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hằng E và anh Huỳnh Minh P; về con chung: giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hằng E tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xét; về tài sản chung và nợ: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Huỳnh Minh P, nhưng anh Huỳnh Minh P đều vắng mặt không lý do, nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt

nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng E và anh Huỳnh Minh P chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là*"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị Hằng E có yêu cầu ly hôn với anh P, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị Hằng E và anh P là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Hằng E xác định, chị và anh P có hai người con chung tên Huỳnh Thị Như P1, sinh ngày 22/2/2003; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 15/10/2010, hiện nay chị Hằng E đang nuôi dưỡng, chị Hằng E yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2020 cháu P1 và cháu K đều có nguyện vong được sống chung với chị Hằng E. Kiểm sát viên đề nghị giao con chung cho chị Hằng E tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy thu nhập hàng tháng của chị Hằng E là đủ điều kiện, chi phí để nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hằng E và đề nghị của Kiểm sát viên, giao con chung tên Huỳnh Thị Như P1, sinh ngày 22/2/2003; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 15/10/2010 cho chị Hằng E tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hằng E không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Hằng E xác định, không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 217; Điều 228 ; Điều 235; Điều 241; Điều 244 và Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hằng E và anh Huỳnh Minh P.

- *Về quan hệ con chung:* Giao hai con chung tên Huỳnh Thị Như P1, sinh ngày 22/2/2003; Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 15/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Hằng E tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị Hằng E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hằng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0007877 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Hằng E đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng E, vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Minh P. Báo cho chị Hằng E và anh P biết, chị Hằng E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới